

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE

CND

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燄 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chánh hội trưởng
hội Phật Giáo
Quản lý
CUNG DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN TRUNG THU
Sư cụ chùa Bông-Sở
Phó chủ bút
DUONG-VAN HIEN
Sư cụ chùa Tế-Cát



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1\$00 - NỬA NĂM : 0\$50 - SỐ SỐ : 0\$08

CHI HỘI PHẬT - GIÁO NINH - BÌNH

Hôm mồng sáu, mồng bảy, và mồng tám tháng bảy, chi hội Phật-Giáo Ninh-Bình đã làm lễ đệ nhất chu-niên rất long trọng. Ngoài đàn chay pháp độ bách-linh (nhân dịp trung-nguyên), có kéo chữ bằng đèn do năm chục tiểu-dồng kéo và đốt cây bông. Ở dọc đường và trước cửa chùa, có cắm cờ quạt rất rực rỡ. Buổi tối có thắp đèn diệu sáng khắp một góc núi Diên-sơn.

Tối mồng bảy có cuộc nghênh-tiếp cụ chánh-hội-trưởng Hiệp-tá Nguyễn-lương-ông và hai Quan Thủ-Hiến tỉnh Ninh-Bình cùng các quan Tây Nam rất trang trọng. Dọc đường vào chùa, các đoàn thẻ đứng hai hàng. Đầu tiên là ban trị-sự, rồi đến ban âm-nhạc đồng-ấu, hương-lý sở-tại toàn ăn mặc áo thụng xanh, lính cơ, ban tiểu-dồng kéo chữ, đoàn hương-dạo Đình-bộ-Linh, ban đồng-nam đồng-nữ rồi đến ban đạo-sư, khi các quan an-toạ, ban đồng-nam đồng-nữ hành-lễ rồi đến chư-sư tụng kinh. Sau khi ông Chánh đại-biêu Hà-đình-Tuyên đọc chúc-từ bằng Pháp-văn, thì Quan Chánh Công-Sứ và Quan Tuần-phủ đọc diễn-văn cũng bằng tiếng pháp. Đoạn đến cụ Lớn Hiệp-Tá Chánh hội-trưởng nói về mục đích hội Phật-giáo và khen ngợi giáo-hữu ban trị-sự Ninh-Bình đã tiến-hành công việc rất mau chóng và có thể-thống. Sau cùng cụ Bằng Nguyễn-can-Mộng diễn thuyết về «cuộc nhân sinh ngày nay và đạo Phật».

Trong ba ngày hội, từ kẻ chợ thôn quê, thiện-tín đến lễ Phật và dự lễ đông không biết bao nhiêu mà kể.

NGÀY RẪM THÁNG BẢY

Tiết rằm tháng bảy này cứ trong Thích - Điền thì gọi là tiết Tăng - Lạp, mà cũng là ngày Tự - Tử của chúng tăng (trừ ra những nơi hậu an cư thì lui lại, còn thì lễ này đầu đầu cũng như nhau cả). Về phần người tại-gia gọi tiết này là Trung - nguyên : về bên nhà Thiền thì gọi là ngày Diêm-vương xá tội. Cứ xét trong Kinh Vu-Lan chép dạy cho người ta theo cách thức khai đàn tụng Kinh để báo ân dưỡng dục của cha mẹ và các ông bà tổ tiên đã qua. Ấy đó là một điều dạy thích hợp lòng báo nghĩa nhớ ơn của loài người ta.

Nguyên do phát khởi ra Kinh này là từ sự tích đức Mục-kiền-Liên, khi ngài muốn được độ cả cha mẹ để báo ơn sinh thành nhũ bộ, đến bạch Phật cầu giải thoát. Phật dạy đến ngày rằm tháng bảy cúng dàng thiện chúng, bố-thí chúng sinh, dùng của thực mà làm việc thực, cầu cho cha mẹ nếu còn hiện-tại thì vui phúc lành trên cõi trăm năm, mà nếu đã qua đời thì được siêu-độ trong vòng vĩnh kiếp. Nhờ Phật tuyên dương, đạo mẫu tin thụ, rồi từ đây đến sau, tuân theo thành lệ.

Nay kể những nước tự xưa theo về giáo Phật, như hơn hai mươi nước trong xứ Ấn-độ, Tây-tạng, Mông-cò, Trung-hoa, Cao-ly, Nhật-bản, Xiêm-la, Diên-điện, Cao-man cho đến cả nước ta hề đâu có cảnh thờ Phật, thì đều có mở tiết này.

Ngày nay giáo môn ta là tin-đồ nhà Phật, mở tiết lễ này phải suy xét giáo-lý cho mình, chứ đừng có bạ đâu theo đấy. Theo đường chính giác, chứ không theo lối tà môn, học đạo chân tâm, chứ không theo đường hủ-

*lập, Phật chỉ dạy ăn chay sám hối, chứ Phật không dạy
ngả mặt chạy đàng; Phật chỉ khuyên bố-thi tụng Kinh,
chứ Phật không dạy hóa vàng đổi mã.*

*Ta nên bỏ cái lòng cầu phúc hão huyền để chăm cái
lòng làm phúc thật tại; bớt tiền mua mã làm ngục đề
làm tiền thi-pháp in Kinh; bớt công sắm cỗ bày đàn đề
làm công phóng sinh lợi chúng, thế mới là phúc đáng
hà su.*

*Nếu ai còn mong đem đồ giả đổi lấy phúc thật, lại nỏ
mồm lễ bạc lòng thành, thành thần nào có chứng đàng,
linh hồn nào nỏ được giải thoát.*

*Mấy lời thành thực, tôi xin trực tệt tỏ bày. ai mà
phát nguyện Kim-cương, một lòng giữ được tin thường
tĩnh độ, cốt bản nguyện cầu cho phả-đỗ, phải hành tri
ở các bộ chân kinh. Phật liền đã có chứng minh, thì lúc
thế chàn· linh siêu thoát, đem tâm sản thực hành
bồ tát, đưa ra để làm phúc làm duyên, chắc hẳn xưa
lòng đức Mục-Liên, theo Phật dạy cũng một nguyện
như vậy.*

*Bóng đức - tuệ soi ra đã sáng,
Hỏi ai ơi đừng quáng chớ lòa.
Một lòng theo chính chớ tà,
Đừng khua ngoài đạo mà pha chính hành.
Vàng mũ giấy Phật Kinh nào thấy,
Mã bội kia Phật dạy bao giờ.
Khai phương phá ngục rở trò,
Trèo đò giáo ngựa nguyện do kinh nào.
Quyết «ngũ nhạ» Phật nào có dạy.
Cách hành đàn diên thấy từ đâu.
Thầy nay tay quyết rất màu,
Hỏi đàn thầy chạy nghĩa sáu thế nào.*

Ăm trống nọ quần nhau mấy lượt,
Khua mõ chuông táo lác một hồi
Nghe chuông thầy mệt thầy thôi
Vèn tay cho lửa một mồi là xong.
Xét Phật giáo vẫn không có thể,
Tự ái - luán mà lệ sinh ra.
Ngày nay ta đã xét ra
Thực lòng mộ Phật thì xa ngự-trường.

Phạm-nguyên-Cáp - Kiến-an

SIÊU ĐỘ LINH HỒN

Ngày rằm tháng bảy, giáo môn ta cùng lại chùa làm lễ cúng Phật, cầu siêu độ cho các linh hồn. xin được âm dương quán lợi. Vậy nay tôi có lời diễn giải về điều đức Phật dạy cho biết tôn chỉ siêu độ linh hồn là thế nào.

Phật dạy: « Phúc mà nấng tu, phúc bao giờ hết, vì như một mồi lửa phán phát ra trăm nghìn mồi cháy cả khu rừng mà mồi lửa vẫn không hết. Họ không biết hối, họa càng thêm to, vì như giòng nước chảy ra trăm nghìn giòng cho mãi đến bể thì giòng nước càng sâu thêm. Vậy thì tu phúc có được gì không? Được lợi cho linh hồn đã qua và linh hồn hiện tại. Hối họa có được gì không? Được lợi cho linh hồn hiện tại và linh hồn tương lai. Phàm người ta mà khác với giống động vật, là vì người ta có linh hồn mà động vật chỉ có giác hồn thôi. Người có linh hồn cho nên dịch sử được các loài khác, Đười-ươi và người rừng chỉ vì không biết tu linh cho nên linh hồn u-trọc mà không khỏi kiếp làm vật. Người ta ai cũng có linh hồn dựa vào sắc thịt, người ta biết tu linh thời tâm linh mới được quang minh, tức là linh hồn siêu

thoát, linh hồn siêu thoát ấy chính là cha mẹ từ tiền được siêu thoát, đây là gốc lòng hiếu của người ta. Ví dụ nước sơn ngoài có lốt thì lần gỗ trong mới bền, mầm rễ dưới có lan thì đám cành trên mới tốt, lẽ tất nhiên thực là chẳng sai, như thế thì linh hồn quá vãng và linh hồn tương lai cốt gấu cũng từ cái thân mà linh hồn hiện tại dựa vào đó. Nay mà muốn linh hồn được siêu thoát thì cái tâm hiện tại phải giữ gìn lấy Phật tính.

Phật dạy : « Chúng sinh nếu có linh ác, không bỏ lòng tham, tất là phải sa đọa vào kiếp luân hồi, tùy nghiệp thụ báo vào thân từ sinh. Thế nào là tham? Tham tâm làm đều không tốt. Từ sinh là những gì? Tức là bốn giống động vật : 1-) Giống nở trứng, 2-) Giống nở thai, 3-) Giống nở từ khi ấm, 4-) Giống sinh từ hóa hình. Phật bảo người mà tạo nghiệp thời đọa vào luân hồi làm những giống này. Người có đủ giác hồn và tinh hồn, các giống vật chỉ có giác hồn là cái hồn biết xúc cảm ở sự tương, hư vui thì biết mừng khổ thì biết chán v.v.. Linh hồn là hồn thiêng chứng ứng ở chốn vô hình, ví như tướng tượng trong lòng, thì mộng, giấc ngủ v.v.. Ta nên suy kỹ lẽ tự nhiên ấy, thì thuyết luân hồi của nhà Phật thực là chắc có. Cái thân hiện tại tức là làm tiền nhân cho kiếp sau, mà cái thân dĩ vãng tức là cái hậu quả ở kiếp này.

Phật nói : Giống sinh trứng như con chim, con cá bởi tự tính trước ra làm chước cao mưu sâu, nên kiếp này hay sợ hãi sợ hoặc, thấy gì là bay bổng, lủi sâu, giống sinh thai như con người và con thú, bởi tính xưa tham dâm hiếu thặng, cho nên kiếp này hay sinh ghen tức, ngang dọc, hung hăng ; giống sinh chỗ ấm như ròi, bọ, dụn, sên bởi tính xưa tham rượu thịt, nhón nhào tranh nhau, nên kiếp này sợ quây không yên, thân hình vất vất ; giống hóa sinh như con ruồi, con muỗi, con sâu, con ve, bởi tính trước hay làm điên đảo, chỉ ý thất thường, biến trá lật lọng, nên kiếp này thay hình đổi

dạng, hũy thê, đẫy thân, lặn vào chỗ chết. Ấy là 4 kiếp sinh thân, theo lệ sáu vòng ác thú. Trong 4 giống thì giống thai nhũ-nhiều giác hơn, mà trong dòng thai nhũ thì người là có đủ linh giác. Vậy nếu không tu không giữ thì linh linh đời đời, nhiễm vào cái tình « tham dục », dũ tham thì sinh sân, dũ sân thì sinh si, hóa nên linh linh mờ mịt, tinh linh dũ thê mịt, còn dũ mà có linh hồn Sống là cục thịt biết đi, linh hồn chẳng có còn chi mà không. Giác hồn đôi chút long đong, tựa vào xác thịt như giòng chim muông ; như vậy thì người ta nên cầu sáng tâm giữ tinh thì mới lên đến cõi Phật. Nếu có đến cõi Phật thì mới siêu thoát linh hồn.

Cái thân dưng cõi nước non, khi tinh anh của càn khôn dục vào. Linh hồn là cái thể nào, thiêng liêng tri thức khác nhau các loài, Đã sinh ra kiếp làm người, dưng còn ngu dại cái đời phù sinh, Nếu mà tham dục không mình, luân hồi chẳng khỏi bốn sinh đọa vào, Thì còn giải thoát thể nào, thì còn phải độ làm sao nữa mà. Nếu còn phải đọa kiếp ma, tội tình bị chúa Diêm - la đọa đầy, Vàng nào lễ khỏi tội này, Mã nào đem đổi mà thay được hình. Chúa Diêm vốn rất công bình, những đồ giả dối càng hành tội thêm. Vàng nhờ Phật dạy rất nghiêm, tam quy ngũ giới ngày đêm phải cần, bỏ si, bỏ cả tham sân, ấy thì giác ngộ có phần viên minh. Lục căn hiện tại thông linh, Thần-hồn chắc hẳn quang-minh vô lượng ; tâm thân gi-thể thanh-quang, thể là phải độ âm dương dũy mà. Ai ơi ! Phật ở lòng ta, khuyên ai lễ Phật dũ mà xin tu, Nhớ rằng Phật giũy mình tu, tòa sen Phật dũ dũ cho ta ngồi.

Nam-mô A-Di-Đà Phật

PHẠM-NGUYỄN-CÁP - KIẾN-AN



KINH BẠCH DỤ

BÀI DIỄN THUYẾT CỦA ÔNG ÔN-NHU NGUYỄN
VĂN-NGỌC ĐỌC TẠI CHÙA QUÁN-SỨ

(Tiếp theo)

Về cái độc giận-dữ, nghĩa là vì sự đũa-dở, ghen-tị, vì sự tranh-dành, thù-cán, hoặc vì cái tính vốn là người hay giận, hoặc giận đến nỗi hối không kịp... thì có những câu dụ sau này :

Câu dụ : ĐÀU CON RẮN VÀ ĐUÔI CON RẮN

Vì như cái đuôi con rắn, một hóm, bảo cái đầu con rắn rằng :

— Ta đáng phải ở trước.

— Đầu rắn cũ : Xưa nay tao vẫn ở trước, sao bây giờ mày lại bắt tao ở sau ?

Rồi đầu cứ ở trước. Cái đuôi thấy vậy, liền quấn vào gốc cây. Cái đầu không đi lên được, đành phải để cái đuôi đi trước. Nhưng chưa đi được bao lâu, cái đuôi quện-quạng thế nào, rơi tuột vào hố lửa, cả con rắn bị chết thiêu,

Đó : hai phần giận nhau mà toàn thể bỏ mạng.

Câu dụ : NGƯỜI NGHÈO TỊ VỚI NGƯỜI GIÀU

Xưa có một người nghèo, của cải ít, thấy một người giàu to, ý muốn giàu bằng người ta, nhưng xoay sở mãi, cũng không làm thế nào cho bằng được. Tức mình, có ít của nào, anh ta đem bỏ phăng xuống nước hết.

— Người ngoài thấy vậy, bảo rằng : « Cửa của anh tuy ít, nhưng cũng đủ cho anh sống được bao nhiêu ngày nữa, sao anhỡ vội đem vứt bỏ xuống nước đi như thế ! »

Đó : giận không bằng người, lại thiệt đến thân.

Câu dụ : HAI THẮNG QUI TÌ XÁ ĐỒ

Xưa có hai thắng qui Tì-xá-đồ cùng có một cái tráp, một cái gậy và một đôi giép. Hai thắng tranh nhau, thắng nào cũng muốn giữ lấy một mình. Rồi cứ găng nhau suốt ngày không thắng nào chịu thắng nào cả.

Sau có một người đến, biết chuyện làm vậy, hỏi rằng :

— Cái tráp, cái gậy, đôi giép này có gì là lạ mà hai chúng mày tranh đánh nhau mãi ?

— Hai thắng qui đáp : Cái tráp của chúng tôi có thể xuất ra bao nhiêu đồ ăn, đồ uống, quần áo, chăn đệm cùng mọi vật cần dùng khác ; cái gậy của chúng tôi, ai mà cầm đến, thì những kẻ oán-địch đều phải quy - phục không dám bén mảng ; còn đôi giép này, ai đã xỏ chân vào, thì tự khắc bay bổng lên được không gì trở ngại.

— Người kia nghe nói, liền bảo qui rằng : Hai người hãy đứng xa ra một tí, để ta vì các người mà chia cho thật đều.

Hai thắng qui nghe, lánh xa ra thật. Thì người kia vội cầm gậy, cắp tráp, xỏ vào giép bay lên.

Hai thắng qui ngạc-nhiên, nhưng không làm gì được người kia cả. Lại còn bị người kia nói kháy rằng :

-- Những cái chúng mày tranh nhau lúc nãy, bây giờ đã nhờ có tao đem đi hộ rồi, thôi chúng mày không phải tranh nhau nữa.

Đó : giận tranh nhau, mình thiệt mà lợi cho người !

Câu dụ : HAI NGƯỜI OÁN GIẬN NHAU

Xưa có một người có việc giận một người khác, thành lúc nào cũng buồn-bã không vui. Sau có người bạn thấy vậy, hỏi rằng :

-- Bác có chuyện gì mà sao trông tiêu tụy thế ?

— Người kia đáp : có kẻ nó hại tôi mà tôi không làm gì nổi nó. Tôi tìm mãi chưa biết có cách gì báo lại được, nên tôi buồn bã thế này !

— Bạn bảo : Duy chỉ có bài chú Ti-đà-la là hại được người kia, nhưng hiềm một nỗi, có khi chưa kịp hại người, đã hại ngay mình trước.

-- Người kia nghe nói, vui mừng kêu lên rằng : Xin dạy tôi bài chú ấy ngay. Dù có hại tôi đi nữa, nhưng cứ hại được nó là thỏa bụng tôi rồi.

Đó : giận người mà không quản đến hại mình !

Câu dụ : NGƯỜI HAY GIẬN GIỮ

Xưa có một người, một hôm, ngồi với một bọn đồng khiên một người khác rằng :

-- Anh ta thực là đức hạnh tốt lắm, duy chỉ phải có hai tội, là hay giận-dữ và làm việc hay thắng-thốt.

Ngay lúc bấy giờ người kia xích ở cửa bước vào, nghe thấy nói thế, liền xông lại, tóm người nói mình ra đánh lấy, đánh dễ.

Bao nhiêu người ngồi đấy, chạy lại can bảo rằng : Sao lại đánh người ta thế ?

-- Người kia đáp : Tôi có từng giận-dữ và làm việc thắng-thốt bao giờ mà thắng này nó dấn đồ tội cho tôi như thế ? Nên tôi đánh nó đấy.

-- Bọn người kia nói rằng : Thì chính ngay bây giờ bác làm gì đấy ? Hay là cái tướng giận-dữ thắng-thốt nó hiển hiện ra ở đấy !

Đó : người hay giận mà nào có biết là mình giận !

Câu dụ : NGƯỜI NÓI XẤU VUA

Xưa có một người kể tội nhà vua, nói vua là tàn-bạo ác-nghiệt không biết trị dân.

Vua nghe tiếng đồn, lấy làm giận lắm, nhưng tra hỏi mãi, không biết đích rõ là ai nói.

Sau có kẻ nịnh vu cáo đồ cho một người bày tội hiển. Vua liền sai đem người bày tội ấy ra, bắt lính xẻo lấy một trăm cân thịt.

Ngày hôm sau, có kẻ làm chứng, minh oan cho người bày tội kia. Vua lấy làm hối, bèn bảo đi mua một nghìn câu thớt để đền lại.

Phép khuya, vua vẫn nghe thấy người bày tội kêu gào khổ-não lắm. Vua liền đến tận nơi hỏi rằng :

-- Người còn lấy làm khổ não lắm ư ? Ta lấy của người có trăm cân thớt, mà ta đã đền giá bằng gấp mười rồi, người còn lấy làm không đủ sao !

-- Người bày tội đáp : Nếu nhà vua chém một cái đầu tôi, sau đầu đền tôi một nghìn cái đầu khác, tôi cũng không sao sống lại được. Nên thớt vua cho có gấp mười mà tôi cũng không sao khỏi đau-dớn được !

Còn về cái độc thứ ba, cái độc « ngu si », có nhẽ nó là cái độc nặng hơn cả. Con người ta thường vị ngu, mới sinh ra tham lam, mới sinh ra giận-dữ. Bởi vậy mà trong một trăm câu dụ trong quyển kinh, ta có thể cùng qui vào cái độc « ngu si » hầu hết ; câu nào thường ngay trên đầu cũng nói : « Xưa có một người ngu... » rồi, dưới cuối lại có câu kết ; « Kẻ phàm-phu ngu-si » hoặc « kẻ ngu - si vô-trí cũng đũa như thế » (1). Nay chúng tôi cũng xin lược kể vài câu về cái độc này :

Câu dụ : NGƯỜI NGU ẮN MUỐI

Xưa có người ngu, một hôm đến ăn cơm nhà người ta, cho là nhạt-nhẽo vô vị.

Chủ nhân nghe nói mới lấy ít muối tra thêm vào.

Người ngu ăn thấy ngon, bèn nghĩ bụng rằng « Ta ăn được ngon lành là tại có muối. Ít muối còn ngon thế này thì nhiều muối, ngon chưa biết đến thế nào !

Ôi ! không muối nhạt, nhiều muối mặn, chỉ vừa muối là hơn.

(1) Cũng lại như thế = Diệc pbuc như thị.

Câu dụ : NGƯỜI NGU GIỒNG VÙNG RANG

Xưa có người ngu ăn vùng sống, thấy không ngon, đem vùng rang, ăn lấy làm ngon, mới nghĩ bụng rằng :

« Hay bây giờ đem vùng rang lên rồi bầy giồng, thì chắc rồi vùng ăn ngon lắm ».

Nghĩ thế rồi làm thật. Nhưng vùng rang đem giồng mọc lên sao được !

Ôi ! giết mình đi thì còn cây đâu mà mong nữa,

Câu dụ : NGƯỜI NGU ĐI ĐÒI NỢ

Xưa có người nhà hàng bán chịu cho người ta nửa tiền, đòi mãi không thấy đem giả, mới đi đòi. Lúc đi phải qua một con sông to, thuê đò mất hai tiền. Sang đến nơi, người nợ tiền đi vắng không có nhà. Phải lộn về, lại thuê mất hai tiền đò nữa.

Thành đi đòi có một nửa tiền, mà tổn mất những bốn tiền ! Ấy là không kể đi đường còn bao nhiêu nỗi khó nhọc vất vả đàng khác nữa.

Ai thấy vậy cũng phải tức cười.

Ôi ! bốn tiền gấp mấy lần nửa tiền ?

Câu dụ : NGƯỜI NGU RẮC HẠT GIỒNG

Xưa có người nhà quê, một hôm sang chơi làng bên cạnh, thấy ruộng lúa đẹp mắt, cây lúa xanh tốt, bèn hỏi chủ ruộng rằng :

-- Ông làm thế nào mà lúa mọc tốt như thế ?

-- Chủ ruộng đáp : Phải bới đất cho nhỏ, san đất cho phẳng, lại phải bón thêm phân giồng nữa.

Người kia về nhà muốn dùng theo cái cách ấy, liền cho bới đất, rắc phân giồng đâu đấy rồi mới ra gieo hạt giống.

Nhưng anh ta sợ ra ruộng, chân giẫm vào đất nó lại dị xuống, mới nghĩ bụng ngồi vào cái chõng để người khiêng đi rắc hạt, thì hạt mới mọc tốt được.

Nghĩ vậy, anh ta bèn ngồi vào cái chõng, sai bốn thằng

không, mỗi tháng một chân chõng, ra ngoài ruộng để gieo thóc thật.

Thành, hai chân chẳng muốn, lại muốn những tám, mặt đất nó càng dị xuống nhiều hơn.

Thiên-hạ thấy vậy ai cũng tức cười.

Ôi ! quần quanh sao chẳng biết hai nhỏ hơn tám.

Câu dụ : NGƯỜI NGU TRÁT VÁCH

Xưa có một người đến nhà bạn, thấy vách trát phẳng nhẵn rất đẹp, liền hỏi rằng :

-- Bác lấy gì nhào với bùn mà được đẹp thế ?

-- Người bạn đáp : Lấy trấu nhào với bùn thật nhão thì được thế.

Người kia nghĩ bụng : Trấu nhào với bùn còn đẹp thế, thì lấy hãn thóc nhào với bùn, chắc đẹp đến thế nào !

Rồi, đến lúc làm nhà, anh ta lấy thóc nhào với bùn đem trát vách thật.

Nhưng chẳng bao lâu, thóc nở, vách lở, đã phi thóc, lại hỏng cả vách.

Ôi ! trấu vào bùn không sao, chớ thóc gặp bùn tất thóc phải nở.

Câu dụ : NGƯỜI NGU MÒ CÁI BÁT DƯỚI NƯỚC

Xưa có người đi thuyền ngoài bể, đánh rơi một cái bát bằng bạc xuống nước.

Anh ta nghĩ bụng rằng : e Ta cứ vẽ xuống nước làm ghi rồi sau tìm cũng được.

Đi đã quá hai tháng, đến một xứ kia, anh ta thấy có con sông, bèn lặn xuống để tìm cái bát.

Mọi người thấy vậy hỏi : Anh lặn xuống sông làm gì ?

-- Anh ta đáp : Trước tôi đánh rơi mất cái bát, bây giờ tôi muốn tìm.

-- Hỏi : Mất bát ở đâu ?

-- Đáp : Mất ở chỗ mới đi thuyền.

-- Hỏi : Mất đã bao lâu ?

-- Đáp : Mất đã hai tháng nay.

-- Lại hỏi : Mất đã hai tháng nay, sao bây giờ đến đây mới tìm ?

-- Đáp rằng : Lúc tôi đánh rơi cái bát, tôi đã vẽ xuống nước làm ghi. Nay tôi xem cái nước đây với nước chỗ rơi bát giống y như nhau, nên tôi mới tìm.

-- Mọi người nghe nói bèn cười ầm lên bảo rằng : Đã hay rằng chỗ nước bây giờ với chỗ nước đánh rơi bát trước không khác gì nhau, nhưng đánh rơi bát ở đâu và tự bao giờ, bây giờ đến đây mới tìm, thì sao cho thấy được.

Ồi ! cái thuyền nó đi, cái bát có đi theo thuyền không ?

Câu dụ : NGƯỜI NGU MÒ VÀNG ĐÁY AO

Xưa có anh ngốc, một hôm ra ao, thấy dưới đáy nước lấp lánh có vàng. Anh ta liền nhảy xuống ao định lấy, bèn vọt lên, tìm mãi không thấy gì cả. Mệt quá, anh ta lên bờ ao ngồi.

Một chốc, nước trong, anh ta lại trông thấy vàng lấp lánh hiện ra. Anh ta lại vội nhảy xuống nước, thì lại chỉ thấy búp vọt lên, chẳng thấy vàng đâu cả.

Tức tức, anh ta lại lên bờ ao ngồi.

Người cha đi tìm, thấy anh ta ngồi đấy mới hỏi rằng

-- Mày làm cái gì mà bỏ phờ cả người ra thế kia ?

-- Anh ta đáp : Thừa cha, dưới đáy ao có vàng. Con lội xuống bới bừa, cố công tìm mãi mà không thấy đâu cả.

Người cha đứng nhìn xuống ao, chỉ thấy cái bóng vàng, mới biết là vàng ấy ở trên cây, chứ không ở dưới nước, bèn bảo con rằng :

-- Vàng kia là con chim nó ngậm đậu ở trên cây y.

Con nghe cha, trèo lên cây, quả lấy được vàng thực.

Theo sau bài này, có câu kệ rằng :

« Kê phàm-phu ngu-si Vô-trí cũng như thế, Trong cái
tôi « vô ngã », Tướng rằng là « hữu ngã ». Như kẻ thấy
« bóng vàng, Khốn khổ đi tìm mò, Khó nhọc mà không được. »

(Còn nữa)

Biết Đạo Thời Vui

(Tiếp theo)

Bà nói rằng : « Ta khi còn ở tại-gia, ta là người nước Xá-vê, cha mẹ ta gả chồng cho ta về phía bắc nước ấy, cái quốc-tục nước ấy hề người đàn bà nào có mang đến kỳ thai-sinh đều phải về nơi quê cha đất tổ của mình mà sinh nở ; ta đã hai lần có mang, chồng ta đưa ta về nơi mẫu-quán sinh-sản, hai bận được hai đứa con đều bình an vô-sự cả, đến lần thứ ba, ta lại có mang, đến kỳ mãn nguyệt ta lại phải về nơi sinh quán ; bấy giờ hai vợ chồng ta và hai đứa con thơ với một người ở cùng đi một cái xe có một con ngựa kéo, thực là : gia-đình một thú cồn con, Vô câu đung đỉnh nước - non quê nhà. Đương lúc cái cảnh gia-đình êm - dềm vui vẻ như thế, thời ai ngờ giời già độc địa, con tạo đa đoan, vợ đem hạnh-phúc của người sóa-nhòa trong chốc nhất !

Số là vợ chồng ta vừa đi được độ nửa ngày thời đến một hạt bị khi giời làm kếm đói, trộm cướp nổi lên như ong, đường xá tuyệt không có người qua lại, khi chúng ta đi đến một con sông thời vừa gặp lúc nước lũ dâng lên, đò đang không có, giời vừa sầm tối, mưa gió lạnh lùng, trông thấy hai đứa con thơ, mà lòng thêm ái ngại, bèn bảo nhau tìm một gốc cây ở bờ sông mà căng lều yên nghỉ, vợ chồng ta ở đấy cứ đêm ngủ ngày ăn như thế đã ba hôm mà nước sông vẫn còn đầy rẫy, đến đêm thứ tư vừa độ canh

một, trong khi chồng ta và đứa ở của ta đã yên ngủ, thòi ta thấy trong bụng ta quặn đau từng đoạn, ta liền ngồi dậy vừa được độ lúc lâu, thòi lại giờ giạ sinh được đứa con giai nữa, khi ấy ta tự liệu lý lấy cái hôn-phận của ta, chứ ta không muốn làm mất một đắc ngũ ngon của người chồng ta và đứa ở của ta nữa.

Ai ngờ ở gần đấy có con rắn độc nó đi ăn sương, nó ngửi thấy mùi huyết nó liền bò đến. trong khi giờ tới ta còn đương lúi cúi lau chùi cho đứa con mới sinh, ta chợt trông ra thấy nó đã bò qua chỗ chồng ta và đứa ở nằm rồi, ta vội kêu rú lên và vợ lấy thanh gỗ chống cự với nó, khua được nó đi, ta ngánh lại gọi đến chồng ta và đứa ở, thòi giờ ơ, đã bị cái nọc độc của nó chết tươi rồi, cả đứa con ngựa của ta cũng bị nó cắn chết, từ bấy giờ cho đến sáng, ta ngồi ôm đứa con mới sinh, còn bai đứa kia nó vẫn ngủ yên không biết, ta ngồi ta nghĩ cách cứu sống lấy chồng ta, nhưng than ôi! thực là vô kế, lúc ấy tấm lòng sợ hãi của ta, thực không bút nào mà tả hết, ta ngồi chờ cho đến sáng, ta nom rõ cái thân thề người chồng ta, toàn thân phủ xũng, bị cái nọc độc rắn chạy vào, gia giết thịt xương hình như nứt nở. Ta đối cảnh thương tâm, khóc than rên rĩ, không biết chừng nào, ta ngồi ta oán trách cái phong tục giã-man, ta xót thương cái thân người mạnh bạc, ta càng trông thấy cái thi thề chồng ta bao nhiêu, ta lại rùng mình ghê sợ bấy nhiêu, thề mà hai đứa con ta nó cứ ôm lấy nó khóc nó lay nó kêu nó gọi, cảnh tượng ấy khiến ta càng thêm đau đớn, như thề trong mấy ngày đêm ở đấy, ta chết đi sống lại không biết mấy lần, mà vẫn tuyệt nhiên không một người nào qua lại, đến sau ta thấy nước sông đã cạn, mà cái thân thề người yêu và đứa ở; con ngựa của ta, xương thịt tan tành, mùi hôi lừng lầy, bấy giờ ta nghĩ đến chữ đồng-tịch đồng-sàng, đến câu đồng-sinh đồng-tử, ta cho là một câu sáo ngữ hão-huyền, một câu hoang-ngôn độc-địa, ta cố lấy can-dảm mà ta rầm mắt bịt mũi ta đứng

gần đồng xương tan thịt rữa của người chồng ta mà ta than
rằng :

Than ôi ! chữ tình ngăn ngòi, bề nghiệp thăm sâu, cười
cợt nửa giờ, khóc than muốn kiếp, thời từ đây rã căn
đây tình, sóng cồn bề ái, chàng về chín suối, ta ở đương-gian,
đã hay rằng tử-sinh hữu mệnh, sóng gủi thác về, song còn
xương trắng ai vùi, con thơ ai đây, đẩy đẩy ân ái, thời thế
là xong, nói lẩm đau lòng, giới cao soi xét. Ta dọc xong
mở mắt nom một lần cuối cùng nữa, ta cầm cái chần phủ
kín đi, rồi ta dáo chạy, bao nhiêu đồ hành trang ta đành bỏ
hết, ta cứ đưa có ba đứa con ra bờ sông, sông không có đò,
ta đành phải lội, vì khúc sông này ta đã lội quen, nhưng lần
này có một điều khó nghĩ cho ta là có một mình mà lại, đèo
ba đứa trẻ, ta liền lập kế, hăng đề một đứa lớn ở bờ bên
đấy, còn đứa thứ hai thời cũng ở trên lưng, đứa thứ ba
thời lấy quần bọc, rồi cần vào mồm mà lội, khi sang đến
bên kia thời lại để đứa thứ hai ở đấy, rồi lại sang rước
đứa lớn bên đây lần nữa, ta vừa sấn buộc song rồi, lội ra
tới giữa sông, ta ngánh trông lại, thời giới ơi ! một con mấn
hồ ở đầu lũng đến vờ đứa con lớn ở trên bờ của ta, ta
hoảng-hồn quên mất rằng mồm mình đang ngậm đứa con,
ta liền tru lên rất là rữ rội, thời thôi xong ! cái bọc đứa
con bé ở mồm ta rơi mất, ta cúi xuống sờ soạng đứng
mò, trong khi tâm thần bối rối thời cái bọc đứa bé con
thứ hai ta cũng ở trên lưng lại rơi mất nốt, bị khi nước
xướng chảy mạnh trôi cả đi, ta vì mới sinh, khí lực còn yếu,
thấy người nhọc mệt, ta cố nhồi lên đến bờ vật người chết
ngất, máu tươi chảy ra đầy mồm, tỉnh rồi lại khóc, khóc
rồi lại mê, ta nghĩ lạ chưa ! khổ chưa ! ngày trước ta tạo
cái nghiệp ác đến thế nào mà nay bị cái cảnh ngộ thương
tâm đến thế, thực là phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí, ta
nằm khóc than rên rĩ, ta đâm ra nghĩ vợ nghĩ vãn, chồng
là cái gì ? mà con là cái gì ? Sao vụt chốc thời tay bẻ tay
bồng, chồng thừa vợ gủi, mà sao vụt chốc thời lại trợ trợ
một mình, cô thân chính ầu, thế có phải chồng với con

nó chỉ là cái dây ân-ái nó buộc mình, nó chỉ là cái bòn đan mũi tên, nó chỉ chực bắn thẳng cái buồng gan lá phổi của mình không ? Ta đang nghĩ vợ nghĩ vẫn như thế, thời may sao có một bọn người đi buôn quen thuộc với ta vừa đến, ta tự nghĩ rằng : trong khi mình đau đớn như thế này, mà may có người bà con đến, thời chắc là cũng đem lòng thương xót mình mà an ủi cho mình được đôi phần buồn bã, ai ngờ mấy người bọn ấy lại thêm cho ta cái tin xét đánh ngang giới, nói rằng nhà ta vừa bị lửa cháy, cha mẹ ta đều bị chết cháy cả, lại khiến cho ta đau lòng tử biệt, cảm đức cù lao, lại chết ngất đi mấy hồi nữa, ta còn đương khóc lóc, mấy người bạn còn đương xúm xít với ta, thời tự-nhiên một bọn giặc ãm ãm kéo đến, đánh trời bóc lột tiền của, quần áo của mấy người bọn ấy, chúng thấy ta còn trẻ, bắt ta mang đi, về nhà thẳng tưng giặc, nó lại bắt ức ta phải làm vợ nó, đau đớn chưa / chìm lũng khôn lẽ cất mình, cái bước đoạ-tràng theo mãi hồng nhan, chủ giặc nó rút chiếu chuộng ta, ăn thời rất vị cao-lương, mặc thời thuần đồ gấm vóc, ta không phải làm lụng một việc gì, nó chỉ ra cho ta một cái lệnh, trong khi đêm hôm quân quyền nó đi ăn cướp phải ngồi giữ cửa, khi về nó ra hiệu thời phải mở cửa ngay, nếu nó có sự gì nguy cấp mà dè chậm trễ lỡ việc của nó thời nó sẽ giết ngay, trước ta vẫn giữ được lối ước như thế, về sau phải hôm thầy tớ nó đi ăn sương, bị người đuổi đánh, nó chạy về gọi cửa, không may gặp khi ta đương ở cũ, gọi không được, nó liền phá cửa ỉeo vào, nó kết cho ta cái tội phản-đăng, nó múa gươm trước mặt ta mà nó tuyên áas rằng : « Con nghịch phụ này, ta hậu đãi mày như thế, ta đi vợ vét của thiên-hạ về cho mày ăn mặc sung-sướng là thế, mày muốn thực gì là ta liền chắt đi lòng cho được thực ấy,ta sửa-sang trang-diễm cho mày là thế, ta cho mày tự-do nhân rồi là thế, ta đem cái tấm thân trọng-phu ngang tàng của ta mà làm nô-lệ cho mày, ta chưa từng xử một tý gì là trái ý mày cơ sao mày lại đem lòng phản ta, nói mau », Ta nói : « Tôi

thực không có ý gì phản cả »

— « Không phản sao ta gọi không mở cửa »,

— « Vì tôi còn mãi sinh nở »,

— « Sinh nở thời con đâu »,

Ta liền giơ đứa con mới sinh cho nó coi, nó trông thấy con của nó, nó liền đổi sắc mặt mà nó bảo ta rằng : « À ra thực người không có lòng phản ta. vậy thời sự nóng dầy đường đột của ta, ta xin lỗi người, song người đã sẵn lòng tốt với ta, ta đây cũng một lòng với người, thời sự sinh nở của chúng ta chắc là còn nhiều, nay đứa con này lúc ta vui vẻ vô sự, thời nó không sinh, lúc ta bị sự nguy cấp thời nó mới sinh, suýt nữa nguy đến tính mạng của ta và của người, sự đó trong binh pháp ta rất kiêng, thế thời dễ nó chắc sau này nó cũng không lỗi được cái đại chí của ta, mà người cũng chẳng nhờ gì được nó nữa. Vậy thời người phải nghe ta cầm thanh gươm này giết ngay nó đi ». Bấy giờ ta nghĩ tuy nó là con thằng ăn cướp nhưng mình cũng mang nặng đẻ đau nó ra, cái tình mẫu-tử nở nào mình lại đang tay sát nó cho đành, và chẳng những sự hung tợn như thế xưa nay mình có làm đâu. Nó thấy ta còn dùng dằng thương tiếc, nó lại nổi cơn thịnh-nộ, nó vớ lấy thanh-gươm chặt đôi đứa bé ra, nó bảo ta rằng có muốn tránh khỏi thanh gươm này thời phải lập tức ăn hết thịt đứa con này đi. Ta sợ cái thái-độ hung ngược của nó, phải nhắm mắt mà nghe theo, vì không nghe thì chết. Lần sau nó lại đi ăn cướp, bị quan bắt được, trong luật nước ấy tội kẻ cướp, thời đem hành hình cả vợ cũng bị chôn sống, mà cái luật nước ấy khi người vợ kẻ cướp đã bị tội chôn sống thời được tự-do tùy ý trang-sức, quân lính không được bóc lột, bấy giờ mình ta vận áo cầm-hoa, cò ta đeo kiềng anh-lạc, tay ta đeo nhẫn ngọc xuyên vàng, chân ta dận giày kim-cương, khắp mình ta nước hoa tắm gội. Ta bị chôn sống ban ngày, thời đến đêm có kẻ tham mọi đồ ăn vật của ta, liền ra đảo mà ta lên mà lấy, mấy sao ta vẫn còn sống, nó chết mệt về cái

nhạo-sắc của ta, nó lại bắt ta mang về làm vợ, ta ở với
đứa sấu này chưa được bao lâu, thời bị nhà trinh-thám
khám phá ra được cái tội đào mả lấy của tội nhân, cứ chiếu
luật mà xử, thời tội đứa đào mả này cũng nặng như tội
đứa ăn cướp cũng phải hành binh, vợ cũng bị chôn sống,
thế là ta bị lần chôn sống thứ hai, lần này may vì họ chôn
đổi, đến đêm có con hổ ngủ thấy mùi, bởi mả lên ồm
lấy xác chết mà chạy ; ta vì nằm dưới mà vẫn còn sống nên
ta lại giãy được, bấy giờ ta cứ mê-mạn bỏ lẫn ở đường xá
như đứa điên rồi thấy ai ta cũng hỏi rằng : này các ông các
bà ơi, đời tôi trải qua rất nhiều sự khổ sở đau đớn lo sợ,
nay tôi nghĩ lại sinh ra điên cuồng rồi đại, ở thế-gian này
có nơi nào cho tôi yên ổn mà tôi quên được mọi sự
khổ não ấy không ? có khi ta lại nghe ngao hát những
câu rằng :

Phong trần chịu những é chề.

Bấy lâu bề khổ sống mê dài dàu.

Nào đường thoát khổ nơi đâu,

Hỏi ai có biết, chớ nhậu biết cùng.

Hết thầy mọi người cho ta là thật tình không thêm can-
thiếp đến, mãi sau có một vị trưởng-lão sẵn lòng từ-bi thấy
ta như thế đem lòng thương xót mà bảo ta rằng : ở thế-gian
này chỉ có tôn-giáo đức Thích-ca là nơi yên-ổn, không
những quên được mọi sự khổ não về trước, lại dứt
được cả mọi sự khổ não về sau, ta nghe câu ấy như
mê chợt tỉnh, hơn hởi vui mừng, tìm ngay đến chốn bà
Đại-ái-đạo tỷ-khưu ny xin đi xuất-gia tu đạo, siêng
năng tu-tập, chẳng bao lâu ta thành bậc la-hán, đủ được sáu
phép thần-thông tam-muội. Các người phải biết những sự
khổ thống của ta khi ở tại-gia chưa-chơn là thế, mà ta cũng
nhờ những sự khổ-não ấy, nên đến khi ta đã lĩnh-ngộ tu-
hành thời ta dốc lòng tinh-tiến, chóng thành đạo-quả. Nay
các người đã biết sự khổ-não ở thế-gian là thế, phải nên
gắng sức tu-trì, đừng lơ tưỡng gì đến sự thế-gian nữa.

thời mới mong có ngày thoát-ly được bề-hỗ mà tới cảnh nát-bản».

500 người Thích-nữ nghe bà Hoa-sắc thuyết-pháp rồi sau gắng sức tu-trì đều thành đạo quả.

Cũng câu truyện tương-tự như thế này, trong kinh Hiền-ngu còn chép thêm một đoạn như sau này : Bấy giờ bọn Thích-nữ lại quý bạch bà Hoa-sắc ny rằng : « Bạch thầy Hòa-thượng, chúng tôi muốn biết cái tiền-nhân của thầy đời trước vì sao mà đời nay thầy bị đứ sự khổ thống như thế, thầy có cái duyên lành gì mà thầy đã trải bao lâu sinh nở, chết đi sống lại, mà đến khi thầy đi tu-hành lại đắc đạo một cách mau chóng như thế ? »

Bà Hoa-sắc tỷ khuru ny lại mỉm cười bảo bọn Thích-nữ rằng . « Hay lắm ! những lời của các người vừa hỏi thực hợp với cái ý của ta muốn nói Đời trước ta cũng là đàn bà như mọi người đàn bà khác, ta lấy chồng vì không có con, người chồng ta lại lấy thêm một người vợ bé sau sinh được một đứa con gái ; một hôm người chồng ta và người vợ bé cùng đi chơi vắng, ta ở nhà trông nom đứa con ấy, vì lòng ngu si ghen ghét mà ta có ác-cảm với người vợ lẽ và đứa con ấy, ta tự nghĩ rằng nếu đẻ đứa con ấy thời sau này chồng ta sẽ ruồng bỏ ta và mẹ con nó được hưởng hết gia tài của chồng ta, ta nghĩ thế rồi ta lập tâm hại đứa con ấy, ta liền lấy cái kim-nhọn siên vào thái-dương đứa bé, nó bị vết đau ấy rồi chết, người chồng và người vợ bé đều tình nghi bắt vợ ta, toan trình quan phân xử, bấy giờ ta liền thề rằng, nếu tôi có làm hại đứa con ấy thời đời sau tôi bị mọi sự ác-báo như thế này : chồng tôi bị rắn cắn chết, con tôi bị hồ tha nước ngập, nhà cửa và cha mẹ tôi đều bị lửa cháy, mồm tôi bị ăn thịt con, thân tôi bị người chôn sống, ấy những câu ta đã trải thề ra bao nhiêu thời kiếp nay ta lại phải chịu bấy nhiêu. Còn sự tu hành chóng được đạo-quả là đời quá-khứ về trước có một đời ta cũng làm đàn bà đi kiếm củi độ thân, ta đến bên

núi ấy có gặp một vị Tịch chi Phật tu luyện ở đấy, ta đem lòng cung-kính, thừa sự cúng-dâng, ta đối trước vị Phật Tịch-chi ấy ta phát-nguyện rằng đến đời tương lai tôi được gặp Phật pháp, được đi xuất-gia, được thành chính-quả, ấy ta có cái nhân lành như thế nên nay quả tu của ta được mau chóng nhẹ nhàng. Song vì ta có cái ác tâm cầm kim bại người, cho nên nay ta tu đã thành bậc la-hán rồi, mà cái kim ở thái dương ta ngày đêm nó vẫn xuyên bên này sang bên khác, thực là đau đớn, ấy cái ác nghiệp của ta đời trước ta tạo ra như thế, các người có đáng sợ không ».

500 người Thích-nữ cùng khắp cả đại chúng nghe bà giảng giải xong rồi đều vui mừng làm lễ mà lui.

THÁI-HÒA

PHẬT HỌC TƯ TƯỞNG ĐIỂN CA

(Bài này chia làm ba đoạn .

1. Đoạn đầu, nói về lẽ vô-thường của tạo-hóa.
2. Đoạn giữa, nói về nhân-tính đời nay.
3. Đoạn cuối, nói về tôn-chỉ đạo Phật và mục đích Hội Phật - giáo).

Kìa Thế-sự thực tuồng mộng ảo,

Xét Nhân-tính tay thảo một chương,

Đông, Tây, Nam, Bắc bốn phương,

Đời người rút lại là trường hư không.

Giời với đất cũng không gì hết,

Chỉ loài người sống chết bên trong,

Giàng, sao kia cũng là không,

Tối lên sáng lặn là công trạng gì ?

Nào Ruộng, Vườn cầm đi bán lại,

Trái Xưa, nay hoá cái bao người,

Vợ, chồng là cái nợ đời !
Chẳng qua một lần trò cười mà thôi.
Vàng với Bạc của đời chán đấy,
Khi chết rồi nào thấy trong tay ?
Quan san, quyền trọng là may !
Cái tâm không cánh lụy ngay vào mình .
Kia nhà, cửa linh đình biết mấy !
Nhắm mắt rồi còn thấy chi đâu ?
Nào xe, nào ngựa, nào trâu,
Cái thân thì mất, ngựa, trâu của đời.
Nói tóm lại trò đời là mộng,
Tiếc cho người lúc sống không hay !
Miếng ăn, manh mặc qua ngày,
Nữ nào bầy lăm trò hay để đời !
Này những kẻ rong chơi du đãng,
Suốt một đời « tận-táng thiên-lương »,
Bầy mưu, tính kế đủ đường,
Ích mình, hại chúng chẳng thương ai cùng.
Lại có kẻ : « Tình-chung cốt-nhục »,
Chỉ vị tiền siêng sức hại nhau,
Cái thân như kiếp ngựa, trâu,
Đem nhau đến cửa công, hầu mới yên.
Cũng có hạng sẵn tiền, sẵn bạc,
Đem bạc, tiền mua chuộc « hư-danh » ! ?
Đến khi danh mệnh đã thành,
Ruộng, vườn bán hết gia-dinh tang thương.
Kẻ thì lại : chuyên đường bán, tán,
Xui dục người cầm bán kiện nhau,
Người thì ; Ý thể sang, giàu,

Lừa trên cướp dưới dễ hầu vinh, thân.

Gớm những đũa, vó nhán ác độc !

Chỉ chuyên nghề cướp bóc bạc tiền,

Người thì chửi bới huyên thiên,

Rượu say mẩy chén đảo điên « luân-thường ».

Cha với anh một phường bát nháo,

Vợ cùng chồng phá đạo « Tề-gia »,

Cờ bạc bán ruộng, cầm nhà,

Cơ đồ đã hết, mẹ, cha mặc đời.

Còn có hạng mê thời mê lạ !

Lúc sống không nem, chả ngọt bùi,

Đến khi cha mẹ chết rồi,

« Giã-danh » báo hiếu để đời khen hay.

Dận những đũa lừa thầy, phẫn bạn,

Chuyên một nghề phỉnh, tán ăn no,

Người thì cả kiếp năm co,

Việc đời bỏ hết sai-do cũng nghiến.

Giai bỏ vợ say miên hoa nguyệt,

Gái, chề chồng đi biệt theo giai,

Thương ôi ! « Phong-hóa suy-dôi » !

« Luân-thường » mất hết, người đời « tham, sân ».

Ấy mới kể : cái thân « hiện - tại »,

Lại còn nhiều tai-hại về sau.

Đời người sống được bao lâu ?

Thân này tạo nghiệp, thân sau phải đền.

Phật đã giáy : gây nên nghiệp báo.

Bởi tự mình, lòng tạo mà ra ;

Cũng như : « Chủng đậu, chủng qua »,

Được dưa, được đậu thực là không sai.

Thân đã biết « luân hồi » nhiều kiếp,

Hoặc làm « người » hoặc nghiệp « súc sinh »,
 Hay là : « Ngã-quỷ » thác sinh,
 « Trăm-luán địa-ngục » chịu hình góm ghê !
 Phật trông thấy đời mê đến thế !
 Bởi vì chưng, cái tệ « vô-minh »,
 Tính « Tham » làm mất lòng « nhân »,
 Tính « Si » ngu ngốc, tính « Sân » điên dờ,
 Ba tính ấy là đồ « Tam-độc » !
 « Vọng » sinh ra ma gốc ở « Tâm »,
 Tự Tâm không biết mình nhầm,
 Cứ « Tham, sân » mãi « Trăm-luán » muốn đời.
 Xin nhắc nhở ai ơi ! nghĩ lại ;
 Lễ « Vô-thường » đã giải phân minh,
 Muốn cho siêu thoát « Tử, Sinh »,
 Nghe nhời Phật giảng « chúng-sinh » sau này :
 Trước hết phải tu ngay « Ngũ-giới »,
 Phải vào chùa thụ giới « Tam-quy »,
 Tu theo « Thập-thiện » những gì ?
 Cùng là « Bát-chính » ta thì xem qua,
 « Tìr-diệu-đế » tâm ta phải nghĩ ;
 Lại xem vào « Thập-nhi-nhân-duyên »,
 Muốn cho thoát cả « Nhân, Thiên »,
 Phải tu Lục-độ, định-thuyền công phu.
 Ấy lược kể công tu là thế,
 Muốn hiểu rành phải đề lòng tin,
 Nay báo Đuốc-Tuệ đã in,
 Nên mua mà đọc, nên tin chớ ngờ.
 Hội Phật-Giáo bảy giờ chính-dồn,
 Lấy « tìr-lâm » làm chốn yên vui.

Cùng nhau lo, tình việc đời.
Khuyến người làm thiện, không sui làm cản.
Muốn cho khắp « Thế-gian bình-dẳng »,
Cùng một lòng ngay-thẳng « Từ-bi »,
Không « Tham » mà cũng không « Si »,
« Dũng-mãnh, tinh-tiến, duy-tri nhân-luân ».
Ai rõ nghĩa : « Chấn-hưng Phật-giáo »,
Mình biết rồi phải bảo người ta,
Ngày nay theo đạo Thích-ca,
Mai sau « Cựe-lạc Di-Đà », đón sang.

(Yên-Sơn Tùng-Kiều)

· NGUYỄN - BÁ - THỌ

BÀI CA HỒM THÀNH LẬP CHI HỘI THANH-HÀ

Hoàng Bảo-dại ngự lịch thập niên trùng cấu
nhật.


Ngày khánh - thành chi Hội Phật - giáo đất
Thanh - Hà.

Nào đâu là thiện-tín gần xa,
Mừng hơn hờ sấm hương hoa đem lễ bái,
Chùa Hào-xá giáp con đường đi lại,
Trải mấy phen tang hải vãng như đồng.
Cửa từ bi sắc sắc không không,
Tài pháp thí có lòng dà mấy kẻ,
Nhờ cụ Hiệp Vi - Khanh tri-sĩ,
Thấy nhân tâm thể đạo nghĩ mà thương.

Muốn cho phong hóa khỏi đời đường,
Hội Phật-giáo chấn hưng cần tổ chức,
Lòng tin ngưỡng dân đương nào nức,
Tiếng chuông vàng đánh thức linh hồn mê,
Từ thành thị đến cả thôn quê,
Đâu cũng thấy chữ đề ban đại-lý,
Chi Hội ta đây gần huyệt ly,
Tiện đường nghe giáo lý tuyên dương.
Cái thân ó uế ấy vô thường,
Nên sớm phải liệu đường tu tỉnh lại,
Dũng mãnh mà đi đừng có ngại,
Ta rủ nhau vào hội từ nay,
Sẽ chung quả phúc sau này.

NGUYỄN - HỮU - ĐỊNH

Tú - tài xã Hào - xá, Thanh - Hà



(TRUYỆN CŨ NƯỚC NHÀ)

Trá Hòa-Thượng đề đề mờ giặc

Nguyễn-triều nghe tin vua Thái-lớn nhà Trần thân g
hò, muốn nhân dịp trong nước có tang, gầy sự khởi
bình, mới sai Lê-bộ-thượng-Thư là Sài-Thung sang dụ
vua Nhân-lớn vào châu. Sài-Thung đi tự Giang - lũng
đến Ung-châu vào nước ta, đi đến đâu, oai-phong lẫm
lệp, xách nhiều quân-dân đến đấy, nhất là đến kinh-
thành hẳn kèn-cồng lên mặt kiêu ngạo, cưỡi ngựa đốc
quân cứ đi thẳng vào cửa Dương-Minh, kéo tuốt dèn

trước diện Tập-hiến mới xuống ngựa. Thung sai đưa thư vào trách vua la rầy: Sao không xin phép Thiên-triều mà giùm tự lập? nay phải thân sang chầu Thiên-triều hoàng-đế mới xong, bâng chặm trễ cơ nghiệp nhà Trần sẽ ra gió cả!

Vua sai người mời Sài-Thung vào quán-sứ, và sai quan Tướng-quốc Thái-úy là Trần-quang-Khải ra khoản tiếp. Thung cậy mình là Nguyên-triều sứ thần, đến triều quốc không coi ai ra gì. Khi Tướng-quốc ra mã, thì Thung vult vẻ nằm kênh trên sập, không thềm đứng dậy, mà cũng không thềm đáp lại một nhời. Quang-Khải không sao được, phải bẽn-lẽn trở ra.

Đức Hưng-đạo-Vương nghe truyện vậy, cảm tức vô cùng, muốn vào thẳng xem mặt mũi ý tứ thẳng kiêu-ngạo ra sao, nhưng ngại mình lại là người Annam, thì nó tất nhiên không thềm nói với.

Ngài vốn thuộc nhiều tiếng lâu, bèn cạo rãng, khoác cà-sa, đeo tràng - hạt, giả làm người Bắc-Hồa-Thượng, đến cửa quán xin vào bái kiến. Sài-Thung được tin báo có sư lâu vào chơi, cho lính ra rước vào, Thung đứng dậy chào hỏi khoản-khoái tỏ ý vui vẻ lắm, rồi sai pha trà tiếp đãi. Ngài chào trước nói rằng... *Đi-dà-phật!* Bần-lãng nghe tin Tướng-công đến đây, nay xin vào bái yết. Thung hỏi lại... cảm ơn! Sư-già pháp hiệu là gì? chánh quán ở đâu? Ngài nói: Bần tướng-công, bần lãng hiệu là Huyền-minh, quê ở làng Thạch-động tỉnh Hồ-nam.

Bần-lãng bỏ xứ sở sang Nam-quốc đã ngoài 10 năm, mây bay thuận gió, không định xứ nào sen này phải mùa, biết đâu chốn khác, nhưng hiện nay tạm trụ trì ở chùa Nhất-trụ cạnh thành này, nên mới được biết tin Tướng-công tới mà vào hầu. Vậy xin hỏi Tướng-công sang đây có việc gì?

Thung nói: Tôi nhân phụng mệnh Trung-triều hoàng

đế, sang đây dụ Nam-quốc-Vương vào châu và phải cống hiến Nước ta, Ngài nói: Mồ-Phật! bớ trước bản tưng nghe có Tề-tướng Nam-quốc vào hầu Tướng-công, mà Tướng-công không thèm hỏi đến, có phải không?

Thung nói: Chính thế! chả chúng nó thắm vào dẫu, mà tôi chào hỏi! nay mình quá! là vì sư-già vốn người bản-quốc mà lưu lạc đường tu, lại có đạo tâm vào thắm tôi thì tôi mới liếp chuyện, còn như đồ nhỏ nhất ấy, thì coi ra cái gì chứ! Ngài nói: Mồ - Phật! Tướng-công nghĩ thế cũng quá phải, nhưng trờ đời mất gì một nời nói. Tướng-công tự quý, mà khiến cho người ta mếch lòng, thế tướng cũng không nên! Thung nói: mếch lòng thì chúng nó làm gì nổi tôi, chúng nó muốn giang-sơn chúng nó ra cầm thì hãy trêu đến tôi. Ngài nói: Mồ-phật! Phật - tử ủng hộ cho Tướng - công yên ổn, vạn thủy thiên sơn đi đến nơi rồi về đến chốn, ngại từ biệt đứng dậy trở ra, Sài-Thung tiễn khỏi cửa, sau biết nhà sư đó là Hưng-đạo-Vương trá-hình. Thung lấy làm hối hận mãi.

Thiện-Bảo

PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YEU

佛學辭典輯要

Bát bộ quỷ-chúng 八部鬼眾. - Tám bộ quỷ-chúng của Từ-thiên-vương thốno ãnh: 1. Hai bộ là Càn-thất-bà 乾闥婆 và Ti-xá-dồ 毘舍闍 thuộc về Đê-dầu-lợi-tra 提頭賴吒 thiên-vương ở Đông-phương, 2. Hai bộ là Cửu-bàn-dồ 鳩槃荼 và Bệ-lệ-đa 薜荔多 thuộc về li-lưu-lực-xoa 毘留勒叉 thiên-vương ở Nam-phương. 3. Hai bộ là Long 龍 (rồng) và Phú-đan-na 富單那 thuộc về li-lưu-bác-soa - - 婁叉 thiên-vương ở tây-phương. 4. Hai bộ là Gia-soa 夜叉 và La-sát 羅刹 thuộc về

li-xa-môn - 沙門 thiên-vương ở Bắc-phương (Sách Nhân-vương kinh hợp số quyển thượng).

Sách Danh - nghĩa lập lại giải nghĩa tên tám bộ quỷ chúng ấy là ; Càn-thát-bà - - 婆 (Gandharva), nghĩa là âm - ấm là giống quỷ không ăn thịt uống rượu mà chỉ nếm mùi hương thơm để nuôi ngũ-uần. Tl-xá-dồ - - - (Pisaca), nghĩa là hám-tinh-quỷ 吸精鬼, là giống quỷ ăn tinh khí của người ta và của ngũ-cốc. Cửu-bán-dồ - 槃荼 (Kumbhanda) nghĩa là úng hình 甕形, là giống quỷ này. Âm hành hình như cdi cong. Bệ-lê-đa - - - (Preta) nghĩa là ngã-quỷ, là giống âm-quỷ bị đói khát luôn. Long - (Naga - Rồng), là vua loài ở nước. Phú-đan-na - - - (Putana), nghĩa là sủ - ngã - quỷ, là giống chuyên làm bệnh phát nhiệt. Già-soa (Yaksa), nghĩa là dưng kiện quỷ, có ba giống : Già-hành Già-soa 夜行 - - (ma đi đêm). Hư - không Già-soa 虛空 - - ma ở trên không trung và Thiên-Già-soa 天 - - ma ở các cõi Thiên.

Bát hàn bát nhiệt 八寒八熱. - Tám địa ngục rất lạnh và tám địa ngục rất nóng. Tám địa ngục rất nóng gọi là bát-viêm-hỏa 八炎火, là : Thân-khanh 炭坑 (lò than lửa), Phi-thỉ 沸屎 (phân nóng sủi), Thiêu-lâm 燒林 (rừng cháy). Kiềm-lâm 鋸林 (rừng gươm), Đao-đạo 刀道 (dòng dao), Thích-lâm 刺 - (rừng gai), Hàm-hà 鹹河 (sông mặn), và Đồng-quyết 銅掘 (đùi đồng). Tám địa ngục rất lạnh gọi là bát hàn băng - - 氷, là : Ngạch phù đà 額浮陀 nghĩa là rét phồng mụn lên, Ni-la-phù-đà 尼羅 - - nghĩa là rét rách bọc mụn ra, Ha-la-la 呵羅 - . A-bà-ha 阿婆訶 và Hâu-hầu 睺 - là ba địa ngục lầy lết kẻ bị rét run kêu mà đứng lên, Au-ba-la 漚波 - , nghĩa là bị rét mình tái xanh đi như hoa thanh-liên, Ba-đầu-ma 波頭摩 nghĩa là bị rét mình đỏ như hoa hồng-liên, Ma-ha-Ba-đầu-ma 摩訶 - - - nghĩa là bị rét mình đỏ tím như hoa đại-hồng-liên.

(còn nữa)

SỔ TIỀN QUYÊN ĐỀ CỨU GIÚP
DÂN BỊ LỤT BẮC-KỲ

- Hội Phật-Giáo Trung-ương : 50\$00.
— Ban Tế-thí do sự Cụ chùa Sở đứng : 50\$00

HỘI VIỆN CHI HỘI PHẬT-GIÁO HAIPHONG

Mme et Mr. Tô-văn-Lượng 5\$00, Mme et Mr. Phạm
văn-Giáp 3\$00, Phạm-tài-Luyện 2\$00, Phạm-văn-
Phụng 0p,50 Mme et Mr. Nguyễn-văn-Thinh 2p,00
Đỗ-huy-Tiến 2p,00, Cam-thuận-An 0p50, Nguyễn-
tân-Vân 0\$50. Cụ Phúc-Long 0p,30, Cụ Phan-Diên
5.00 Cụ Vũ-thị-Loan 5.00, Phạm-thị-Chơi 1.00,
Bùi-văn-Đàm 0.50. Mme et Mr Trần-chung-Kỳ
1.00 Trần-văn-Cả 0.50, Nguyễn-dinh-Khoát 1.00,
Trịnh-thị-Tám 2.00, Phạm-xuân-Đức 1.00, Thái-
văn-Nghiên 1.00, Nguyễn-thị-Thìn 1.00 Nga-thị-
Hào 0.05 Nguyễn-thị-Dáp 0.50 Trần-thị - Phương
1.00 Nguyễn-thị-Hữu 1.00.

M. M. Bùi-Tổ 1.00, Trần-văn-Lợi 0.70 Nguyễn-
thị-Thìn 2.00, Lê-đức-Tiến 0.50. Đặng-thị-Bầy 0.50
Đặng-thị Phong 0.50, Hoàng thị Bên 0.50, bà Đội
Đức 0.50, Trần thị Chính 1.00, sư ông Thái chùa
Đư Hàng 0.50, Hoàng công Ngọc 1.00 cụ Nghĩa
1.00. Nguyễn tư Thuyết 0.50, Nguyễn thị Ba 1.00
Nguyễn thị Doãn 1.00, Nguyễn thu Phụng 0.20, Vô
danh 1.00, Nguyễn văn xuân, 0\$30 bà Sáu Nam
2.00, Hợp-Hưng 1\$00 bà Thành 1.00 Sư cụ chùa
Kêng 1.00, chùa Văn 1.00, chùa Cầm Xa 1.00, chùa
Sung Minh 1.00 và chùa Đư Hàng 1.00.

Hộp Thơ

Trả lời ông Nguyễn - văn - Tĩnh Saigon. -- Có tiếp được thơ ông, song tờ bạc cáo đó không đúng tên chỉ của bản báo, xin miễn đăng.

Còn việc ông có lòng mộ đạo muốn xin vào hội, song điều lệ đương sửa đổi chưa xong. Bao giờ xong sẽ đăng vào Đuốc-Tuệ.

Cùng ông Nguyễn-ngọc-Oanh. Cồ-lễ Nam-dịnh. Bản báo không nhận được số tiền đồng niên trả tiền báo đình theo với bức thư của ông. Văn gửi hầu ông Đuốc Tuệ kể từ số 29 trở đi.

Đã nhận được mandat của các vị như sau này trả tiền báo.

Mme Nguyễn-thị-Liệt Long-Xuyên mandat 1\$00

M. Huỳnh - Côn Bồng - Sơn — 1\$00

M. M. Nguyễn-huê et Phan-sở Tourane — 2\$00

M. Tống-Phước-Thuyên Tourane — 1\$00

M. Phan-Hậu Tam-Quan — 1\$00

Xin nhắc lại đề sự cụ Cao-Đại Nam-dịnh rõ bản báo đã nhận được chiếc Mandat 4\$00, 2\$00 trả tiền báo và 2\$00 tiền các giá cùng mua kính.

Xin trân trọng cảm ơn.

Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý
hội Phật-giáo ở các địa-phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên-lai nhận tiền báo để ai gửi giữ tiền báo thì ngài biếu lại thu dùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ai chưa mua thì xin ngài gĩa công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài,

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản-lý CUNG-ĐÌNH-BÍNH